

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.26

Group B16
Round 6
Board 1

WHITE Shiva Shanmugam, Tharvin						FED MAS			RESULT (W) 0		
BLACK Zhong Taoyu						FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	ab	Ba5	41	Bc1	Nb5	61	Ke1	Nef2
2	c4	e6	22	e4	Qd8	42	Kf2	Ne6	62	Rd2	Rd2
3	Nf3	c6	23	ed	ed	43	Rer	Kf7	63	Bd2	h8
4	e3	f5	24	c5	Qd6	44	Bd2	Bb6	64	Bb	f3
5	Nes	Nb6	25	Bb2	Nd7	45	Rd2	h5	65	Nd2	Nb4
6	Bd3	Nb6	26	b4	Bd7	46	h3	Nd7	66	Nb7	f2
7	Nd7	Bd7	27	Nd2	f4	47	Kd2	Bh4	67	Kd2	f2
8	b3	Bd6	28	Rae1	Rae8	48	Kd2	Rd1	68	Nd1	Bd8
9	Bb2	O-O	29	g4	Bb6	49	Rd2	Ne6	69	Re1	Rd1
10	Nd2	Ne4	30	Bb6	Rd8	50	Bd3	Rd1	70		
11	O-O	Be8	31	Nb1	Rd3	51	Rd2	Rd1	71		
12	Qe2	Bb4	32	Qd2	Rb3	52	Bb2	Rd4	72		
13	Nb1	Bb6	33	Rd3	Rd4	53	Rd3	Bb6	73		
14	Nd2	Bb4	34	Nd2	Rd8	54	Nd2	Rd2	74		
15	Nb1	Rh4	35	Qd3	Bh4	55	Bd3	Rd2	75		
16	g3	Qd8	36	Re8	Re8	56	Kf1	Rd3	76		
17	f3	Bh5	37	Rd1	g6	57	Kd1	Rd3	77		
18	Bc1	Nb3	38	Nd1	ab	58	Ke1	Bh4	78		
19	Qd2	Nep	39	Rd2	Rb5	59	Bd1	Nb5	79		
20	Qd2	Nb6	40	Qd1	ab	60	Nb3	Nb5	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26/8

Group B16
Round 6
Board 1

WHITE S. Tharvin						FED MAS			RESULT (W) 0		
BLACK Zhong Taoyu						FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	g3	Ba5	41	Bc1	Nb5	61	Ke1	Nef2
2	c4	e6	22	e4	Qd8	42	Kf2	Ne6	62	Rd2	Rd2
3	Nf3	c6	23	ed	ed	43	Rer	Kf7	63	Bd2	h8
4	e3	f5	24	c5	Qd6	44	Bd2	Bb6	64	Bb	f3
5	Nes	Nb6	25	Bb2	Nd7	45	Rd2	h5	65	Nd2	Nb4
6	Bd3	Nb6	26	b4	Bd7	46	h3	Nd7	66	Nb7	f2
7	Nd7	Bd7	27	Nd2	f4	47	Kd2	Bh4	67	Kd2	f2
8	b3	Bd6	28	Rae1	Rae8	48	Kd2	Rd1	68	Nd1	Bd8
9	Bb2	O-O	29	g4	Bb6	49	Rd2	Ne6	69	Re1	Rd1
10	Nd2	Ne4	30	Bb6	Rd8	50	Bd3	Rd1	70		
11	O-O	Be8	31	Nb1	Rd3	51	Rd2	Rd1	71		
12	Qe2	Bb4	32	Qd2	Rb3	52	Bb2	Rd4	72		
13	Nb1	Bb6	33	Rd3	Rd4	53	Rd3	Bb6	73		
14	Nd2	Bb4	34	Nd2	Rd8	54	Nd2	Rd2	74		
15	Nb1	Rh4	35	Qd3	Bh4	55	Bd3	Rd2	75		
16	g3	Qd8	36	Re8	Re8	56	Kf1	Rd3	76		
17	f3	Bh5	37	Rd1	g6	57	Kd1	Rd3	77		
18	Bc1	Nb3	38	Nd1	ab	58	Ke1	Bh4	78		
19	Qd2	Nep	39	Rd2	Rb5	59	Bd1	Nb5	79		
20	Qd2	Nb6	40	Qd1	ab	60	Nb3	Nb5	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

13215



Group	B16
Round	6
Board	2

B16-6-2



Group	BK
Round	6
Board	7

WHITE						FED		CHN		RESULT (WP)	
BLACK						FED		PHI		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C5	21	Rfe1	Ngs8	41	Rie2	Rd2	61	b4	Kg6
2	Nf3	g6	22	Bf1	h6	42	Kg1	Rfd7	62	Be8	Kf5
3	e4	Bg7	23	Be3	g5	43	Qa4	Qc1	63	Bh5	Bd1
4	d4	cx d4	24	Bf2	Rcd8	44	Rxd2	Oxd2	64	Kg2	Kxe5
5	Nxd4	Nc6	25	Kg1	Rf7	45	Qc4	Qd4+	65	Kf2	Kf5
6	Be3	Nf6	26	Re2	g4	46	Kg2	Rd5	66	Be8	a5
7	Nc3	d6	27	f4	Nf6	47	Qd4	Qb2+	67	Ke3	axb4
8	Be2	Bd7	28	Rge1	e6	48	Re2	Rd2	68	axb4	e5
9	Nc2	Rc8	29	Nf6	Bxf6	49	Rxb2	Oxd2+	69	Bd7+	Kf6
10	O-O	O-O	30	Nf4	Nx4	50	Qe2	Qd4	70	Bb5	Kf5
11	f3	Nas	31	Bx4	Kh7	51	Qf2	Qd1	71	Bd3+	Nf6
12	Nb3	b6	32	g3	d5	52	Qe2	Qd4	72	Be2	Bxe
13	Qd2	Be6	33	Bxf2	Rxf6	53	h3	h5	73	Kxe2	b5
14	b3	Nd7	34	Qd4	Nf7	54	Kh2	Kgc	74	Kd6	Ke6
15	Rac1	f5	35	Re3	Qc7	55	Bg2	Kf2	75	Ke4	Kf6
16	Nab5	Nc6	36	Re5	fx c4	56	h4	Ke7	76	h5	Kg5
17	Bg5	Nf6	37	Qxc4	Qd6	57	Qe5	Qxe5	77	Kxe5	Kxh5
18	exf5	Bxf5	38	Qb5	Qd4+	58	Kxe5	Bd1	78	Kf5	Kh6
19	Nd5	Qd7	39	Kg2	Rd5	59	g3	Kf7	79	Kg4	Kg6
20	Kh1	Kh8	40	Qc4	Qb2+	60	Bc4	Bc2	80	Kf4	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 10.26

Group B16

Round 16

Board 3

WHITE Tl. Ouyangyuan												FED MBL	RESULT (W) 1
BLACK Dypsinanur												FED MBL	RESULT (B) 0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Nf6	21	Rd4	b5	41			61				
2	c4	g6	22	Cb	Rxc3	42			62				
3	g3	Bg7	23	Qxc3	Nxc3	43			63				
4	Bg2	0-0	24	Qc6	Nxf4	44			64				
5	Nc3	d6	25	Bxf4	Nes	45			65				
6	Nf3	C6	26	Bxc3	Bxc3	46			66				
7	0-0	Bc5	27	ba	Rc8	47			67				
8	Ng5	h6	28	9b7	Rc7	48			68				
9	e4	Bd7	29	Qa4	Qb8	49			69				
10	Nf5	Bg4	30	Qd3		50			70				
11	Be2	Nb7	31	1-0		51			71				
12	Qd2	Bxc3	32			52			72				
13	Bxf3	Kf7	33			53			73				
14	Ra1	Qas	34			54			74				
15	Qe2	es	35			55			75				
16	cs	cd	36			56			76				
17	Qd	ag	37			57			77				
18	as	Rf8	38			58			78				
19	by	Qd8	39			59			79				
20	es	Qf	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
			Duvrel.										

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.26

Group B16

Round 6

Board 3

WHITE Tenguundalai, Ganbat												FED MGL	RESULT (W) /
BLACK Duvranzhishig, Bat-Erdene												FED MGL	RESULT (B) 0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Nf6	21	Rc4	b5	41			61				
2	c4	g6	22	cb	Re3	42			62				
3	g3	Bg7	23	Qc3	Nd5	43			63				
4	Bg2	0-0	24	Qc6	Nf4	44			64				
5	Nc3	d6	25	Bf4	Nes	45			65				
6	Nf3	C6	26	Be5	Be5	46			66				
7	0-0	Bf5	27	ba	Rc8	47			67				
8	Ng5	h6	28	ab7	Rc7	48			68				
9	e4	Bd7	29	Qe4	Qb8	49			69				
10	Nf5	Bg4	30	Qe3		50			70				
11	Be3	Nb7	31			51			71				
12	Qd2	Bf3	32			52			72				
13	Bf3	Kh7	33			53			73				
14	Ra1	Qas	34			54			74				
15	Be2	es	35			55			75				
16	d5	cd	36			56			76				
17	ed	ab	37			57			77				
18	a3	Rf8	38			58			78				
19	by	Qd8	39			59			79				
20	fy	Qf	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
			Duvrel.										

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

B16

Round

06

Board

04

WHITE Sun Chang Jyu						FED			RESULT (W) 0		
BLACK Dang Thai Vu						FED			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rc1	Rf8	41			61		
2	Nf3	e6	22	Be3	Bc3	42			62		
3	d4	cd	23	Rc3	Rd1#	43			63		
4	Nd4	a6	24			44			64		
5	c4	Nf6	25			45			65		
6	Nc3	Bb4	26			46			66		
7	Qf3	Nc6	27			47			67		
8	Nc6	dcl	28			48			68		
9	a3	Be7	29			49			69		
10	Bf4	Qa5	30			50			70		
11	e5	Nf7	31			51			71		
12	Qe4	f5	32			52			72		
13	ef	Nf6	33			53			73		
14	Qe2	0-0	34			54			74		
15	g3	e5	35			55			75		
16	Qe5	Bc5	36			56			76		
17	b4	Bb4	37			57			77		
18	Qa5	Bc5	38			58			78		
19	Bd2	Bg4	39			59			79		
20	Bg2	Ra8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Sun			Vn			Cen					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

26.8

Group

B16

Round

6

Board

4

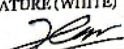
WHITE Sun Chang Jyu						FED TPE			RESULT (W) 0		
BLACK Dang Thai Vu						FED VIE			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Xc1	Xf8	41			61		
2	Nf3	e6	22	Te3	Tc3	42			62		
3	d4	cd	23	Xc3	Xd1	43			63		
4	Nd4	a6	24			44			64		
5	c4	Nf6	25			45			65		
6	Nc3	Bb4	26			46			66		
7	Qf3	Nc6	27			47			67		
8	Nc6	dc	28			48			68		
9	a3	Be7	29			49			69		
10	Bf4	Qa5	30			50			70		
11	e5	Ma7	31			51			71		
12	Hc4	f5	32			52			72		
13	ef	Mf6	33			53			73		
14	Hc2	0-0	34			54			74		
15	g3	e5	35			55			75		
16	Hc5	Tc5	36			56			76		
17	b4	Tb4	37			57			77		
18	Ha5	Ha5	38			58			78		
19	Td2	Tg4	39			59			79		
20	Tg2	Xad8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Sun			Vn			Cen					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
26.8.26

Group
U16
Round
6
Board
5

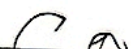
WHITE						FED		MYA		RESULT (W)		0
BLACK						FED		CHN		RESULT (B)		1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	Nf3	d5	21	Rd2	Rc7	41	gxf4	gxf4	61			
2	d4	Nf6	22	Ne2	Rxc1	42	f3	d4	62			
3	c4	ec	23	Nxc1	Rc8	43	Kc2	Ke7	63			
4	Nc3	cc	24	Ne2	g5	44	Nf2	Nf4	64			
5	e3	Nbd7	25	h3	h5	45	Kc3	Ne2+	65			
6	Qc2	Bd6	26	Ng3	Bg6	46	Kd3	as	66			
7	b3	O-O	27	Kh2	Rc1	47			67			
8	Bb2	es	28	Be2	h4	48			68			
9	cxds	cxds	29	Nh1	Ne4	49			69			
10	dxes	Nxe5	30	Rb2	Nc3	50			70			
11	Be2	Be6	31	Bf3	Rc2	51			71			
12	O-O	Rc8	32	Rxc2	Bxc2	52			72			
13	Qd1	Qa5	33	Kg1	b5	53			73			
14	Qd4	Nxf3+	34	Kf1	Nka2	54			74			
15	Bxf3	Rfd8	35	Bxd5	Nb4	55			75			
16	Rfc1	Bas	36	Bb7	Bxb3	56			76			
17	Bxa3	Qxa3	37	Ke2	a5	57			77			
18	Rc2	Qc5	38	Kd2	Bd5	58			78			
19	Rac1	Qda	39	Bxd5	Nxd5	59			79			
20	cxda	Bf5	40	g3	Kf8	60			80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
												

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8.26

Group
B16
Round
6
Board
5

WHITE Hein Myat Thu						FED		RESULT (W) 0			
BLACK Miao, ZiXin						FED		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Rd2	Rc7	41	gh	gh	61		
2	d4	Nf6	22	Ne2	Rc1	42	f3	a4	62		
3	c4	eb	23	Nc1	Rc8	43	Kc2	Ke7	63		
4	Nc3	cb	24	Ne2	g5	44	Nf2	Nf4	64		
5	e3	Nbd7	25	h3	h5	45	Kc3	Ne2	65		
6	Qc2	Bd6	26	Ng3	Bg6	46	Kd3	a3	66		
7	b3	O-O	27	Kh2	Rc1	47			67		
8	Bb2	e5	28	Be2	h4	48			68		
9	cd	cd	29	Nh1	Ne4	49			69		
10	de	Ne5	30	Rb2	Nc3	50			70		
11	Be2	Be6	31	Bf3	Rc2	51			71		
12	O-O	Rc8	32	Rc2	Bc2	52			72		
13	Qd1	Qa5	33	Kg1	b5	53			73		
14	Qd4	Nf3	34	Kf1	Na2	54			74		
15	Bf3	Rfd8	35	Bd5	Nb4	55			75		
16	Rfc1	Ba3	36	Bb7	Bb3	56			76		
17	Ba3	Qa3	37	Ke2	a5	57			77		
18	Rc2	Qc5	38	Kd2	Bd5	58			78		
19	Rac1	Qd4	39	Bd5	Nd5	59			79		
20	ed	Bf5	40	g3	Kf8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.26

Group U16
Round 6
Board 11

WHITE <i>Chang Chung Min</i>						FED		RESULT (W)			
BLACK <i>Gong Bonuonuo</i>						FED		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	—	+	21			41			61		
2			22			42			62		
3			23			43			63		
4			24			44			64		
5			25			45			65		
6			26			46			66		
7			27			47			67		
8			28			48			68		
9			29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			<i>Gong</i>			<i>Can</i>					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round

6

Board

7

WHITE wei yuren						FED			RESULT (W) 1/2		
BLACK zhou tong						FED			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qe5	Bh3	41			61		
2	c4	e6	22	f4	Bf1	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	Kf1	Rd6	43			63		
4	Rd2	Qc3	24	Qe7	Rbd7	44			64		
5	Bc3	Nd4	25	Qc5	a6	45			65		
6	Rc1	Nc3	26	Qb6	g6	46			66		
7	Rc3	db	27	a4	Rd2	47			67		
8	g3	g-o	28	Kf2	Rfd7	48			68		
9	Bg2	Nd7	29	Qc5	Rd8	49			69		
10	Nf3	Qc7	30	Qc7	Rd7	50			70		
11	g-o	Q5	31	Qc3	Rd1	51			71		
12	Qc3	Qb6	32			52			72		
13	de	Nes	33			53			73		
14	Nes	de	34			54			74		
15	Qc2	cb	35			55			75		
16	Qc3	Bcb	36			56			76		
17	b3	Rad8	37			57			77		
18	Rc5	Rd7	38			58			78		
19	Qc3	Rd8	39			59			79		
20	Bh3	Qc5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) wei yuren			SIGNATURE (BLACK) tong			SIGNATURE (ARBITER) OAN					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.26

Group

Round

6

Board

7

WHITE wei yuren						FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK zhou tong						FED HKG			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qc5	Bh3	41			61		
2	c4	e6	22	f4	Bf1	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	Kf1	Rd6	43			63		
4	Rd2	Qc3	24	Qe7	Rd7	44			64		
5	Bc3	Nd4	25	Qc5	a6	45			65		
6	Rc1	Nc3	26	Qb6	g6	46			66		
7	Rc3	db	27	a4	Rd2	47			67		
8	g3	g-o	28	Kf2	Rfd7	48			68		
9	Bg2	Nd7	29	Qc5	Rd8	49			69		
10	Nf3	Qc7	30	Qc7	Rd7	50			70		
11	g-o	Q5	31	Qc3	Rd1	51			71		
12	Qc3	Qb6	32			52			72		
13	de	Nes	33			53			73		
14	Nes	de	34			54			74		
15	Qc2	cb	35			55			75		
16	Qc3	Bcb	36			56			76		
17	b3	Rad8	37			57			77		
18	Rc5	Rd7	38			58			78		
19	Qc3	Rd8	39			59			79		
20	Bh3	Qc5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) wei yuren			SIGNATURE (BLACK) tong			SIGNATURE (ARBITER) OAN					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

B16

Round

6

Board

8

WHITE Thirap As Syahsyah syakish						FED INA		RESULT (W) 1			
BLACK Byun Juwon						FED KOR		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qh3	Qc7	41			61		
2	Nf3	d6	22	Bd2	Bf6	42			62		
3	d4	cd4	23	Bg4	h5	43			63		
4	Nd4	Nf6	24	f9c	hg4	44			64		
5	Nc3	a6	25	Qh7		45			65		
6	Be2	e5	26			46			66		
7	Nb3	Be7	27			47			67		
8	Qd3	Bc6	28			48			68		
9	Nd5	Bd7	29			49			69		
10	edf	Nbd7	30			50			70		
11	Bd2	Rc8	31			51			71		
12	Ca	b6	32			52			72		
13	0-0	0-0	33			53			73		
14	Rae1	Qc7	34			54			74		
15	Kh1	a5	35			55			75		
16	a4	Qd7	36			56			76		
17	Nd4	Bc5	37			57			77		
18	Bc3	g6	38			58			78		
19	f4	Nd7	39			59			79		
20	f5	Rc8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

8/26

Group

U16

Round

6

Board

8

WHITE thiratas syahsyah syakish						FED		RESULT (W) 1			
BLACK BYUNJUNSEOK						FED		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	qh3	qc7	41			61		
2	Nf3	d6	22	Bd2	Bf6	42			62		
3	d4	cd4	23	Bg4	h5	43			63		
4	Nxd4	Nf6	24	fxg6	hxg4	44			64		
5	Nc3	a6	25	qh7		45			65		
6	Be2	e5	26			46			66		
7	Nb3	Be7	27			47			67		
8	Qd3	Be6	28			48			68		
9	Nd5	Bd7	29			49			69		
10	exd5	Nbd7	30			50			70		
11	Bd2	Rc8	31			51			71		
12	c4	b6	32			52			72		
13	0-0	0-0	33			53			73		
14	Rae1	Qc7	34			54			74		
15	Kh1	a5	35			55			75		
16	a4	Nc5	36			56			76		
17	Nxc5	Qxc5	37			57			77		
18	Bc3	g6	38			58			78		
19	f4	Nd7	39			59			79		
20	f5	Rce8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
26.08.26

Group
B1b
Round
1
Board
9

WHITE Baasangombo Bayartogtokh						FED MGL		RESULT (W) 0			
BLACK Krishiv Shah						FED HKG		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	g6	21	Rxc4	Rxc4	41	Kf3	hxs	61		
2	Nf3	e6	22	Qxc4	Qxb2	42	g4	Rf4	62		
3	Bf4	c5	23	Rc1	ed8	43	Kg3	Re4	63		
4	e3	Qb6	24	Qc2	Qxc2	44	Rb6	kd7	64		
5	Qc1	Nh5	25	Rxc2	Kf8	45	Kf3	Rf4	65		
6	Bg3	Nxg6	26	Kf1	Ke7	46	Kg3	Kc6	66		
7	hxg3	Nc6	27	Ke2	Rd7	47	Rb2	Re4	67		
8	c3	d5	28	Ne5	Bxe5	48	Rh2	fxe5	68		
9	Bd3	h6	29	dxe5	kd8	49	Rh6	Kc5	69		
10	Nbd2	Bd7	30	Ke3	Rd5	50	Rxg6	kb4	70		
11	O-O	Rc8	31	66 Rd5	kd7	51	Rg7	a5	71		
12	Qc2	Cxd4	32	g4	b6	52	Rb7	b5	72		
13	exd4	Nb4	33	P4	Rc5	53	Ra7	g4	73		
14	Qb1	Nxd3	34	Rd2	Ke7	54	Rf7	Kg3	74		
15	Qxd3	Bb5	35	Pb2	Rc3	55	Rf2	b4	75		
16	c4	62 Bxc4	36	F5	Rc4	56	Rd2	b3	76		
17	Nxc4	dxc4	37	Kf3	Rc5	57			77		
18	Qc2	Bd6	38	BxK4	g5	58	0-1		78		
19	Qa4	Rc1	39	Pg6	Pxg6	59			79		
20	Rac1	O-O	40	g5	Rc4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
26.08.26

Group
B1b
Round
6
Board
9

WHITE Baasangombo						FED MGL		RESULT (W) 0			
BLACK Shah, Krishiv						FED HKG		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rc4	Reu	41	Kf3	hg	61		
2	Nf3	e6	22	Qxc4	Qxb2	42	g4	Rf4	62		
3	Bf4	c5	23	Rc1	Rd7	43	ng3	Reu	63		
4	e3	Qb6	24	Qc2	dxc2	44	Rb5	kd7	64		
5	Qc1	Nh5	25	Rxc2	Kf8	45	Kf3	Rf4	65		
6	Bg3	Nxg6	26	Kf1	Ke7	46	Kg3	Kc6	66		
7	hxg3	Nc6	27	Ke2	Rd7	47	Rb2	Reu	67		
8	c3	d5	28	Ne5	dxe5	48	Rh2	Rxe5	68		
9	Bd3	h6	29	de	kd8	49	Rh6	Kc5	69		
10	Nbd2	Bd7	30	Ke3	Rd5	50	Rg6	kb4	70		
11	O-O	Rc8	31	Ke4	kd7	51	Rg7	a5	71		
12	Qc2	Cd	32	g4	b6	52	Rb7	b5	72		
13	Cd	Nb4	33	f4	Rc5	53	Ra7	g4	73		
14	Qb1	Nxd3	34	Rd2	Ke7	54	Rf7	uat	74		
15	Qxd3	Kb5	35	Rb8	Rc3	55	Rf2	u	75		
16	C4	dxc4	36	f5	Rc4	56	Rd2	b3	76		
17	Nxc4	dc	37	Kf3	Rc5	57			77		
18	Qc2	Qd6	38	Kf4	g5	58			78		
19	Qa4	Rc6	39	f3	f3	59			79		
20	Rac1	O-O	40	g5	Rc4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round

Board

WHITE Lin Fung Ming Mathew						FED			RESULT (W) 1		
BLACK Zhao Tse Han						FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	o4	1d5	41			61		
2	1d3	1d6	22	o3	1d6	42			62		
3	Bb1	a6	23	Rg4	o7	43			63		
4	Ba4	1d6	24	1d3	1d8	44			64		
5	o-o	Re7	25	Bg3	o67	45			65		
6	Re1	B5	26	1d6	o66	46			66		
7	Bb3	o-o	27	1d7	2	47			67		
8	c3	d5	28	Rg3	1d6	48			68		
9	e4	1d5	29	1d6	o6	49			69		
10	h3	Bt6	30	Re4	1d7	50			70		
11	d4	o64	31	o67	1d8	51			71		
12	c4	B1	32	1d7		52			72		
13	1d3	1d5	33			53			73		
14	1d2	1d4	34			54			74		
15	Rg4	Re8	35			55			75		
16	o4	15	36			56			76		
17	B1	Re1	37			57			77		
18	1d1	1d7	38			58			78		
19	E1	D a4	39			59			79		
20	Ra4	1d5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Mathew			Zhao Tse Han			Oen					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round

Board

WHITE Lin Fung Ming Mathew						FED HKG			RESULT (W) 1		
BLACK Zhao Tse Han						FED HKG			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	b6	1d5	41			61		
2	1d3	1d6	22	o4	1d6	42			62		
3	Bb5	a6	23	Rg4	o7	43			63		
4	Ba4	1d6	24	1d3	1d8	44			64		
5	o-o	Re7	25	Bg3	o67	45			65		
6	Re1	B5	26	Bh6	o66	46			66		
7	Bb3	o-o	27	Bg7	1d5	47			67		
8	o3	d5	28	Rg3	1d6	48			68		
9	e4	1d5	29	1d6	o6	49			69		
10	h3	Bt6	30	Ba4	Kt7	50			70		
11	d4	o64	31	Re7	Kt8	51			71		
12	c4	B1	32	1d7		52			72		
13	1d3	1d5	33			53			73		
14	Bc2	1d4	34			54			74		
15	Rg4	Re8	35			55			75		
16	o4	15	36			56			76		
17	B1	Re1	37			57			77		
18	1d1	1d7	38			58			78		
19	E1	D a4	39			59			79		
20	Ra4	1d5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Mathew			Zhao Tse Han			Oen					

1991

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8-26-26

Group V16

Round 6

Board 12

WHITE Li, Fei Yat						FED HKG			RESULT (W) 0		
BLACK Demos Jenci Rehann P.						FED PHI			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qd1	bxc5	41			61		
2	d4	d5	22	bxc5	Qc6	42			62		
3	Nc3	dxe4	23	Rg3	Bh4	43			63		
4	Nxe4	Bd7	24	Rg4	Bf6	44			64		
5	Nf3	Bc6	25	Qe2	Rg2	45			65		
6	Bc3	Nd7	26	Bb1	Rg8	46			66		
7	O-O	Ngf6	27	Be4	Rb8	47			67		
8	Re1	h6	28	Bxd5	Qxd5	48			68		
9	c4	b6	29	h3	Qa2	49			69		
10	Qd3	Be7	30	d5	Qxb2	50			70		
11	b5	O-O	31	Qxb2	Rxb2	51			71		
12	Nc3	Bb7	32	dxe6	fxe6	52			72		
13	c5	Nd5	33	Ra4	Rc2	53			73		
14	Nxe5	Bxc5	34	Ra6	Rxc5	54			74		
15	Bb2	a5	35	Rxb6	f7	55			75		
16	Ne5	Nxe5	36			56			76		
17	Rxe5	Qxb4	37			57			77		
18	axb4	Rxa1	38			58			78		
19	Qxa1	Qd4	39			59			79		
20	Re3	Rg8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Li Fei Yat			Demos Jenci Rehann P.			Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group B16

Round 6

Board 12

WHITE Li, Fei Yat						FED			RESULT (W) 0		
BLACK Demos Jenci Rehann						FED			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qd1	bxc5	41			61		
2	d4	d5	22	bxc5	Qc6	42			62		
3	Nc3	dxe4	23	Rg3	Bh4	43			63		
4	Nxe4	Bd7	24	Rg4	Bf6	44			64		
5	Nf3	Bc6	25	Qe2	Ra2	45			65		
6	Bd3	Nd7	26	Bb1	Ra8	46			66		
7	O-O	Nf6	27	Be4	Rb8	47			67		
8	Re1	h6	28	Bxd5	Qxd5	48			68		
9	c4	b6	29	h3	Qa2	49			69		
10	Qd3	Be7	30	d5	Qxb2	50			70		
11	b4	O-O	31	Qxb2	Rxb2	51			71		
12	Nc3	Bb7	32	dxe6	fxe6	52			72		
13	c5	Nd5	33	Ra4	Rc2	53			73		
14	Nxe5	Bxc5	34	Ra6	Rxc5	54			74		
15	Bb2	a5	35	Rxb6	Kf7	55			75		
16	Ne5	Nxe5	36			56			76		
17	Rxe5	Qxb4	37			57			77		
18	axb4	Rxa1	38			58			78		
19	Qxa1	Qd7	39			59			79		
20	Re3	Ra8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Li Fei Yat			Demos Jenci Rehann			Can					